

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 7- 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và bà Đào Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - sinh năm 1989.

HKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Công ty TNHH S, khu công nghiệp Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Hoàng Khắc Đ - sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, vắng mặt chị H, anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2022 và các văn bản tố tụng, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Hoàng Khắc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12 tháng 4 năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Gia đình hai bên đã giàn xếp nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2021 đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Khắc Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Hoàng Phương Anh sinh ngày 21/02/2018. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị thỏa thuận gửi con cho ông bà nội chăm sóc, anh chị có trách nhiệm gửi tiền cho ông bà. Ông bà nội ngày càng già yếu không tiếp tục chăm sóc và dạy cháu học được. Ông bà cũng

đồng ý cho chị đón cháu. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương Anh và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện kinh tế để đảm bảo các điều kiện nuôi con tốt nhất. Chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH S Việt Nam, mức thu nhập bình quân là 17.254.000đ/ tháng. Hiện nay, chị đang thuê nhà ở gần công ty, nếu được nuôi con chị sẽ đón cháu và bà ngoại ra ở cùng để chăm sóc và đưa đón cháu trong thời gian chị đi làm. Sau này chị sẽ chuyển về Thanh Hóa làm việc và ở nhà của bố mẹ đẻ tại thôn T, xã T, huyện Triệu Sơn.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 14/4/2022, bị đơn là anh Hoàng Khắc Đ trình bày và đề nghị: Anh và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12 tháng 4 năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị H đi làm ăn xa, anh khuyên bảo chị làm gần nhà để chăm sóc gia đình, con cái nhưng chị không đồng ý dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng chị H vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 1/2022 cho đến nay, không còn quan tâm nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị H cương quyết xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Hoàng Phương A sinh ngày 21/02/2018. Cháu ở với bố và ông bà nội. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang làm thợ xây tự do, mức thu nhập bình quân là 12.000.000đ/ tháng, có đủ điều kiện nuôi con. Nếu chị H nuôi con, chị phải chăm lo cho con đầy đủ, không được gửi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 27/4/2022 tại UBND xã T, huyện Triệu Sơn thể hiện: Địa phương không nắm bắt được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh Đ. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng từ tháng 12/2021 đến nay. Chị H và anh Đ có 01 con chung là cháu Hoàng Phương A sinh ngày 21/02/2018, cháu ở cùng bố và ông bà nội. Cháu khỏe mạnh, không bị đánh đập bạo hành. Anh Đ làm nghề tự do, có sức khỏe, có khả năng lao động tạo ra thu nhập. Hiện nay anh Đ đi làm ăn không có ở nhà. Chị H đi làm công nhân có thu nhập, sức khỏe tốt, đủ điều kiện nuôi con. Anh Đ và chị H không vi phạm pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 56,81,82,83 LHNGĐ: Chấp yêu cầu xin ly hôn của chị H xử cho chị được ly hôn anh Đ. Về con chung giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Phương A sinh ngày 21/02/2018, anh Đ không

phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh Đ cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án chấp nhận đơn của chị H xử vắng mặt nguyên đơn. Tại phiên tòa lần thứ nhất, anh Đ vắng mặt, HĐXX đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Hoàng Khắc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn 28/2017 ngày 12 tháng 4 năm 2017 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, sống không có tình cảm, hay cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh Đ cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị được ly hôn anh Đ.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Hoàng Phương A sinh ngày 21/02/2018. Chị H và anh Đ đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con. Đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự. Xét điều kiện nuôi con của anh Đ. Hiện nay, anh Đ làm việc tự do, có sức khỏe, có thu nhập nhưng không ổn định. Anh Đ không cung cấp xác nhận thu nhập để chứng minh cho lời khai của mình. Đối với chị H, có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng hơn 17 triệu đồng nên điều kiện vật chất ổn định và tốt hơn anh Đ. Vì vậy, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị H, giao cháu Phương A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị H không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1,2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Hoàng Khắc Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Phương A sinh ngày 21/02/2018. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0006534 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

